

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 9 - 2023

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia  
đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;  
2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh **Vũ Trọng Q**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số H, đường L, tổ I, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Căn cước công dân số 034083024673 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/01/2023.

**Bị đơn:** Chị **Vũ Thị M**, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ I, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: K1 – Ishida 1465-1 Shimizu haitsu 105, Nhật Bản.

Chứng minh nhân dân số 034184022156.

Số hộ chiếu C9936606 do Đ tại Nhật Bản cấp ngày 16/02/2022.

*(Anh Q, chị M vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2023 và Bản tự khai của nguyên đơn anh Vũ Trọng Q yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với chị Vũ Thị M và trình bày như sau:

Anh Vũ Trọng Q và chị Vũ Thị M tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 07/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ở gia đình anh tại phường H, thành phố T. Năm 2013 chị M đi lao động tại Nhật Bản, năm 2014 anh cũng sang lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khác nhau về quan điểm sống. Hai vợ chồng đã cố gắng nói chuyện với nhau nhiều lần nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình tìm mọi cách hòa giải cho anh chị nhưng đều không có kết quả, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là Vũ Trọng Nam K, sinh ngày 22/6/2010, hiện nay đang ở với chị M tại Nhật Bản. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh và chị M đã thỏa thuận anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị M không có tài sản chung, không vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Anh Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

**\* Tại Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 15/8/2023 của chị Vũ Thị M gửi từ Nhật Bản (có xác nhận của Đ tại Nhật Bản), chị M trình bày như sau:**

Chị và anh Vũ Trọng Q có tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T ngày 07/01/2009. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống ở địa phương và có con chung là cháu Vũ Trọng Nam K. Trong cuộc sống hàng ngày, chị phải gánh vác và lo liệu mọi việc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, gây gổ. Năm 2013 do kinh tế khó khăn nên chị đã quyết định sang N làm việc. Sau 6 tháng chị bảo lãnh anh Vũ Trọng Q sang Nhật Bản làm việc cùng. Thời điểm này, hai vợ chồng lại không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn nhau nên chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại chị và anh Q không còn tình cảm, để tốt nhất cho cả hai, chị và anh Q đã chọn phương án ly hôn. Vì vậy anh Q làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

Chị và anh Q có 01 con chung là Vũ Trọng Nam K, sinh ngày 22/6/2010 đang ở cùng chị tại Nhật Bản. Ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng con chung để đảm bảo việc học tập, sinh sống của con được ổn định, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị M đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, chị không thể xin nghỉ phép để về Việt Nam tham gia tố tụng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án anh Vũ Trọng Q xin ly hôn chị Vũ Thị M theo thủ tục chung, anh Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp Bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Vũ Thị M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và Văn bản yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án, chị M cũng đã gửi Bản tự khai, Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, Giấy ủy quyền cho Tòa án (các văn bản này đều có xác nhận của Đ tại Nhật Bản). Anh Q và chị M đều đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:**

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Trọng Q và chị Vũ Thị M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 07/01/2009 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh Q trình bày vợ chồng đã có thời gian chung sống vui vẻ, hạnh phúc và đã có 01 con chung, cho đến năm 2015 mới xảy ra mâu thuẫn vì không cùng quan điểm sống, không chấp nhận sự hòa giải của hai bên gia đình. Tại bản tự khai gửi về Tòa án chị M trình bày từ sau khi kết hôn và sinh con, chị phải gánh vác lo liệu mọi việc nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, gây gổ với nhau, chị đã tìm cách sang N trước sau đó bảo lãnh cho chồng sang cùng nhưng trong thời gian vợ chồng ở nước ngoài mâu thuẫn vẫn tiếp diễn đến mức phải sống ly thân. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Q xin ly hôn chị M cũng đồng thuận. Do anh Q và chị M không thể đến Tòa án để tham gia hòa giải và thỏa thuận ly hôn nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Q, xử cho anh Q ly hôn chị M là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Q và chị M có 01 con chung là Vũ Trọng Nam K, sinh ngày 22/6/2010, hiện nay đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng tại Nhật Bản. Ly hôn, anh Q và chị M đều có nguyện vọng giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Con K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo ổn định cuộc

sống, môi trường học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao con K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị M, anh Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; 273; 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Vũ Trọng Q được ly hôn chị Vũ Thị M.

**[2] Về quan hệ con chung:** Xử giao con Vũ Trọng Nam K, sinh ngày 22/6/2010 cho chị Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết đối với anh Q vì chị M không có yêu cầu.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Q, chị M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

**[3] Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**[4] Về án phí:** Anh Vũ Trọng Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Q đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005708 ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

- Lưu Hành chính tư pháp./.

**Nguyễn Thị Thúy Hoàn**